

Số: 2645 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc khen thưởng thành tích tại SEA Games 33
và các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế (đợt 2 năm 2026)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An về chính sách khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các kỳ thi (cuộc thi) quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 650/TTr-SNV ngày 12/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho 13 vận động viên và huấn luyện viên, đã có thành tích đạt giải cao tại SEA Games 33 và các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế (đợt 2 năm 2026);

2. Thương tiền cho các vận động viên và huấn luyện viên, đã có thành tích đạt giải cao tại SEA Games 33 và các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế (đợt 2 năm 2026),
(Có danh sách và mức thưởng kèm theo)

Điều 2. Tiền thưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Đm*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (NC) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (TP, Loan).

CHỦ TỊCH



Võ Trọng Hải

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG

**Về việc khen thưởng thành tích tại SEA Games 33
và các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế (đợt 2 năm 2026)**
(Kèm theo Quyết định số: 2645/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH SÁCH TẶNG BẰNG KHEN CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Thành tích
1	Ông Bùi Duy Vinh	Huấn luyện viên đội tuyển Kickboxing	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao Nghệ An	04 HCV: VĐ Thế giới 2026
2	Ông Hoàng Hữu Nghĩa	Huấn luyện viên đội tuyển Cầu mây		02 HCB, 01 HCD: SEA Games 33
3	Ông Đoàn Xuân Luyện	Huấn luyện viên đội tuyển Jujitsu		01 HCB, 01 HCD: SEA Games 33
4	Bà Hà Thị Kim Ánh	Huấn luyện viên đội tuyển Điền kinh		01 HCV, 01 HCB: SEA Games 33
5	Ông Lại Thế Toàn	Vận động viên đội tuyển Kickboxing		01 HCV: VĐ Thế giới 2026
6	Ông Lại Xuân Thọ	Vận động viên đội tuyển Kickboxing		01 HCV: VĐ Thế giới 2026
7	Bà Bùi Minh Khả Tú	Vận động viên đội tuyển Kickboxing		01 HCV: VĐ Thế giới 2026
8	Bà Nguyễn Thị Mai	Vận động viên đội tuyển Kickboxing		01 HCV: VĐ Thế giới 2026
9	Bà Nguyễn Thị My	Vận động viên đội tuyển Cầu mây		02 HCB, 01 HCD: SEA Games 33
10	Bà Ngô Thị Ngọc Quỳnh	Vận động viên đội tuyển Cầu mây		01 HCB: SEA Games 33
11	Bà Lê Thị Tuyết Mai	Vận động viên đội tuyển Điền kinh		01 HCV: SEA Games 33
12	Bà Kha Thanh Trúc	Vận động viên đội tuyển Điền kinh		01 HCB: SEA Games 33
13	Ông Nguyễn Tất Lộc	Vận động viên đội tuyển Jujitsu		01 HCB, 01 HCD: SEA Games 33

B. DANH SÁCH THƯỞNG TIỀN

Tên giải	Nội dung	Họ và tên VĐV, HLV	Chức danh	Đạt thành tích	Số lần thưởng	Mức lương tối thiểu	Tổng số tiền thưởng
I. Môn Cầu mây: Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games 33) năm 2025							
1	Đội tuyển Nữ	Nguyễn Thị My	VĐV	01 HCB	7,5	2.340.000	17.550.000
2		Ngô Thị Ngọc Quỳnh	VĐV		7,5	2.340.000	17.550.000
3	Đội tuyển 4 Nữ	Nguyễn Thị My	VĐV	01 HCB	15	2.340.000	35.100.000

Chữ ký

3	Đội tuyển 4 Nữ	Nguyễn Thị My	VĐV	01 HCB	15	2.340.000	35.100.000
4	Đội tuyển 4 Nam Nữ hỗn hợp	Nguyễn Thị My	VĐV	01 HCB	10	2.340.000	23.400.000
5		Hoàng Hữu Nghĩa	HLV	02 HCB	22,5	2.340.000	52.650.000
				01 HCB	10	2.340.000	23.400.000
Cộng							169.650.000

II. Môn Điền kinh: Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games 33) năm 2025

1	Tiếp sức 4 x 400m	Lê Thị Tuyết Mai	VĐV	01 HCV	20	2.340.000	46.800.000
2	Tiếp sức 4 x 100m	Kha Thanh Trúc	VĐV	01 HCB	15	2.340.000	35.100.000
3		Nguyễn Thị Thuận	HLV	01 HCV	8	2.340.000	18.720.000
4		Hà Thị Kim Ánh	HLV	01 HCB	6	2.340.000	14.040.000
Cộng							114.660.000

III. Môn Jujitsu: Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games 33) năm 2025

1	Đồng đội	Nguyễn Tất Lộc	VĐV	01 HCB	7,5	2.340.000	17.550.000
2	Newaza	Nguyễn Tất Lộc	VĐV	01 HCB	10	2.340.000	23.400.000
3		Đoàn Xuân Luyện	HLV	01 HCB	3	2.340.000	7.020.000
4		Đặng Xuân Nghĩa	HLV	01 HCB	4	2.340.000	9.360.000
Cộng							57.330.000

IV. Kickboxing: Giải Vô địch Thế giới Kun Khmer lần thứ 6 năm 2026

1	Hạng cân 60kg	Lại Thế Toàn	VĐV	01 HCV	40	2.340.000	93.600.000
2	Hạng cân 70kg	Lại Xuân Thọ	VĐV	01 HCV	40	2.340.000	93.600.000
3	Hạng cân 70kg	Bùi Minh Khả Tú	VĐV	01 HCV	40	2.340.000	93.600.000
4	Hạng cân 57kg	Nguyễn Thị Mai	VĐV	01 HCV	40	2.340.000	93.600.000
5		Bùi Duy Vinh	HLV	04 HCV	160	2.340.000	374.400.000
Cộng							748.800.000


V. Môn Lặn: Giải Vô địch VĐV xuất sắc quốc gia năm 2025

1	200m VHCV	Nguyễn Trọng Dũng	VĐV	01 HCV	3	2.340.000	7.020.000
	400m VHCV			01 HCV	3	2.340.000	7.020.000
	1500m VHCV			01 HCB	2	2.340.000	4.680.000
	800 VHCV			01 HCĐ	1,5	2.340.000	3.510.000
	50 Nín thở			01 HCĐ	1,5	2.340.000	3.510.000
	Phá kỷ lục 400 VHCV			Kỷ lục	3	2.340.000	7.020.000
2	400m VHCV	Nguyễn Tú Anh	VĐV	01 HCV	3	2.340.000	7.020.000
	1500m VHCV			01 HCV	3	2.340.000	7.020.000
	800m VHCV			01 HCV	3	2.340.000	7.020.000
	200 VHCV			01 HCB	2	2.340.000	4.680.000
3		Hồ Phi Lược	HLV	05 HCV	15	2.340.000	35.100.000
				02 HCB	4	2.340.000	9.360.000
				02 HCĐ	3	2.340.000	7.020.000
				Kỷ lục	3	2.340.000	7.020.000
	Cộng						117.000.000
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)						1.207.440.000
Số tiền bằng chữ: Một tỷ, hai trăm linh bảy triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng							

Khanh